

Số: 538/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 04 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 444/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Huỳnh Thị Phương T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số A, đường L, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ X, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Phương T và ông Phạm Ngọc T1 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2016 do Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 05/9/2016.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 27/4/2020, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà T và ông T1 thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc chia hoặc không chia tài sản chung khi ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị Phương T và ông Phạm Ngọc T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2016 do Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 05/9/2016 hết hiệu lực).

- Về con chung: Bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm Thùy A, sinh ngày 25/3/2016 và Phạm Thanh H, sinh ngày 24/02/2018; ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi. Bắt đầu thi hành kể từ tháng 06/2020.

Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ khi bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1 chưa thi hành việc cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông T1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Về tài sản chung: bà T và ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Huỳnh Thị Phương T và ông Phạm Văn T1 phải chịu. Khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân sơ thẩm bà T và ông T1 đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0026017 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- UBND TT P, H. P
- T. Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thư)

THẨM PHÁN

Lê Kiều Oanh

